

MẶT PHÁP

MẠT PHÁP



-
- * ĐỊNH NGHĨA
 - * NHỮNG BÀI KINH NÓI VỀ MẠT PHÁP
 - * NHỮNG LÝ DO MẠT PHÁP
 - * NHỮNG CHÚ GIẢI ĐỀ CẬP ĐẾN SỰ BIẾN MẤT CỦA GIÁO PHÁP
 - * TÓM LƯỢC
-

Chắc mọi người đã từng nghe hai từ “*Mạt Pháp*,” nhưng đôi khi mình chưa hiểu hết ý nghĩa. Mục đích của bài pháp này là giúp mọi người biết những bài Kinh nào Đức Phật dạy về Mạt Pháp, Mạt Pháp là gì, những lý do nào đưa đến Mạt Pháp... qua đó chúng ta xem lại bản thân mình có góp phần đưa đến Mạt Pháp hay không, cũng như lo tranh thủ tu tập vì không dễ gì có Phật ra đời, vì khi không còn Chánh Pháp, mình ngày càng dễ tạo ác nghiệp, không biết chánh tà, và không thể biết cách nào tu để thoát khỏi sanh tử luân hồi.

I. ĐỊNH NGHĨA

Phần này bàn đến 3 từ hay 3 thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mật Pháp.

1. Thời kỳ Chánh Pháp

Thời kỳ Chánh Pháp là thời kỳ có chư Phật, có các bậc Thánh, hay có những người đắc Đạo. Đây là thời kỳ Giáo Pháp rất hưng thịnh, nghĩa là có người tu, có người học, có người hành, có Tăng tướng... có đầy đủ hết. Trong thời kỳ này người ta có thể “*bỏ mạng chứ không bỏ Đạo.*” Nghĩa là có những vị tinh tấn tu tập đến mức sẵn sàng cúng dường mạng sống, sẵn sàng hy sinh tính mạng để tu tiến. Vào thời kỳ Chánh Pháp, đa số chư tăng ni và cả hàng cư sĩ *hiểu rõ những gì mình tin, cho nên các vị ấy tin chắc những gì mà họ hiểu.* Thời Phật còn tại thế, có những vị cư sĩ luôn soạn sẵn một chỗ ngồi cao quý và sạch sẽ trong nhà dành riêng cho Đức Phật, dù họ biết có thể cả đời họ cũng không đủ phước duyên để Ngài ghé thăm.

2. Thời kỳ Tượng Pháp

“*Tượng*” nghĩa là giống. Thời kỳ Tượng Pháp tức là giống thời kỳ Chánh Pháp. Thời kỳ này cũng có người tu tập, lễ bái, thuyết giảng, chùa chiền v.v., nhưng không có người hành trì rốt ráo và không có các vị chứng ngộ, đắc quả Thánh mặc dù hình tướng của người tu là giống với thời kỳ Chánh Pháp.

3. Thời kỳ Mạt Pháp

Trong cụm từ “*nghèo mạt rệp*,” từ “*mạt*” nghĩa là thấp kém, đáng khinh khi, xa rời, không còn gốc nữa. Ở đây, thời kỳ Mạt Pháp nghĩa là thời kỳ không còn Chánh Pháp, cũng không còn tu kiểu hình thức như Tượng Pháp nữa, mà là thời kỳ rất sai khác, xa lìa Phật Pháp, và thậm chí không còn Phật Pháp nữa.

Ở thời kỳ Mạt Pháp này, đầu tiên là không còn những vị giữ giới trong sạch, những vị tu đắc đạo, đắc quả Thánh, mà chỉ còn một số người cố gắng tu tiến hay hành thiền. Tiếp theo, không còn ai hành trì Pháp hay thực hành pháp hành nữa mà chỉ còn lại những vị học Pháp học. Sau đó, những vị còn học Pháp cũng mất dần, rồi từ từ hình tượng người tu cũng không còn. Và cuối cùng, Xá Lợi Phật cũng biến mất.

Ở thời Chánh Pháp người ta “*thà bỏ mạng chứ không bỏ Đạo*,” Ngược lại, thời kỳ Mạt Pháp thì người ta thà “*bỏ Đạo chứ không bỏ mạng*.” Câu nói tưởng chỉ là đùa, nhưng đó lại là sự thật. Chúng sanh thời này đầy tà kiến, không có đức tin nơi Tam Bảo, thậm chí không biết đến chữ ‘*thiện*’. Chuyện gì họ cũng dám làm, độc ác, loạn luân, sẵn sàng chém giết nhau, xúc phạm những bậc tu hành và cả Tam Bảo chỉ vì bất mãn cá nhân.

Ba thời kỳ này đã được Đức Phật nói trong Chánh Kinh. Sau đây là trích dẫn và giảng rộng một số bài Kinh về vấn đề này.

Kinh Tương Ưng tập 2 – Chương V, Tương Ưng Kassapa – XIII, Tượng Pháp:

“N hư vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatti, Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Mahā Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đành lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahā Kassapa bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?

- Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

- Này Kassapa, diệu pháp không biến mất cho đến khi nào tượng pháp không hiện ra ở đời. Và Kassapa khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu

pháp biến mất. Ví như, này Kassapa, vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất.

- Cũng vậy, này Kassapa, diệu pháp không biến mất, khi nào tượng pháp chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất. Này Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất.

- Ở đây, khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất. Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, diệu pháp bị biến mất.

Này Kassapa, có năm thói pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư; sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp; sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng; sống không tôn kính, không tùy thuận học giới; sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiên định.

Này Kassapa, chính những thói pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

Và có năm pháp, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống kính trọng, tùy thuận bậc Đạo Sư; sống kính trọng, tùy thuận Chánh pháp; sống kính trọng, tùy thuận chúng Tăng; sống kính trọng, tùy thuận học giới; sống kính trọng tùy thuận Thiên định.

Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp.”

Trong Kinh Tương Ưng - Tương Ưng Kassapa, Đức Phật đề cập đến Chánh Pháp (Diệu Pháp), Tượng Pháp, và Mạt Pháp (Diệu Pháp biến mất, hay Diệu Pháp hỗn loạn). Thời kỳ Mạt Pháp rồi cũng sẽ xảy ra. *Khi có Phật ra đời thì mới có Chánh Pháp, hay Tứ Niệm Xứ, Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo v.v.* Vậy Mạt Pháp tức là khi không còn Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế trên đời nữa. “*Không còn*” ở đây nghĩa là sao? Ví dụ công thức Toán học $5+5=10$, $2*2=4$ muôn đời vẫn là như vậy, nhưng giả sử có một lúc nào đó, người ta không biết về bảng cửu chương hay phép cộng, phép trừ nữa. Những công thức đó vốn vẫn là thế, nhưng vấn đề là không còn ai biết đến những công thức đó nữa. Tương tự, Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế vẫn là quy luật, công thức, hay con đường dẫn đến Giác ngộ thì muôn đời vẫn là như thế, nhưng trong thời kỳ Mạt

Pháp, không còn ai biết đến Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế nữa. Chúng sanh sẽ chìm đắm trong sinh tử luân hồi cho đến khi có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác ra đời thì Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế mới lại được biết đến. Những điều này được giải thích rõ ràng trong bài Kinh sau.

Kinh Mi Tiên Vấn Đáp, câu số 139 - Đức Thế Tôn là người khai sáng Đạo hay Đạo có sẵn từ ngàn xưa? Đây là câu hỏi của đức vua Mi-Lan-Đà hỏi Tỳ-kheo Na-Tiên:

- *Thưa đại đức! Đạo vốn có sẵn từ ngàn xưa phải chăng?*

- *Vâng, có từ ngàn xưa, do chư Phật quá khứ đã khai sáng, đã tìm ra.*

- *Thế sao Đức Thế Tôn của chúng ta lại nói rằng: "Như Lai là người làm cho Đạo chưa phát sanh được phát sanh"? Vậy ra lời nói sau lại nghịch ngôn, mâu thuẫn với lời nói trước.*

- *Chẳng có hai lời sai nghĩa đâu, tâu đại vương! Đạo xưa ấy là nói về **Bát Chánh đạo**, con đường có tám chi; đây là con đường đi đến giải thoát, chấm dứt sinh tử luân hồi. Chính chư Phật quá khứ sau khi giác ngộ **con đường**, đã tán dương, tuyên thuyết con đường ấy cho chúng sanh thực hành, noi theo. Nhưng khi các Ngài nhập diệt, Bát chánh đạo ấy cũng theo*

thời gian mà khuất lấp đi, chẳng còn ai biết đến để tu tập nữa. Đến thời Phật Thích Ca, do công hạnh Ba-la-mật sâu dày, Ngài đã **vé**n **mở** **con đường xưa cũ**; đã phát hiện lại con đường, đã phát quang lại con đường, tu tập theo con đường, giác ngộ con đường... cho nên gọi là làm cho **con đường được phát sanh**! Lý nghĩa ấy thì có gì mâu thuẫn đâu, tâu đại vương?

- Thừa đại đức! Phát sanh là chưa có mà bây giờ lại có, lại sanh ra. Còn Đạo vốn là **cái có sẵn** nên không thể lập ngôn như vậy được!

- Đại vương nói rất có lý. Nhưng đại vương nghĩ thế nào trong trường hợp viên ngọc Mani với đức Chuyển luân Thánh Vương? Phước đức của đức Chuyển luân Thánh Vương từ ngàn xưa có công năng làm cho ngọc Mani xuất hiện, gọi là ngọc Mani phát sanh đến cho đức Chuyển luân Thánh Vương. Nhưng đến khi đức Chuyển luân Thánh Vương mãn tuổi thọ, ngọc Mani ấy cũng bị biến mất, đến trú ẩn nơi đỉnh núi Vikula. Nhiều đời sau, đức Chuyển luân Thánh Vương khác lại ra đời trên thế gian, ngọc Mani xuất hiện, lại tìm đến cho đức vua ấy. Thế có thể lập ngôn là ngọc Mani phát sanh đến cho đức Chuyển luân Thánh Vương không hở đại vương?

- Có thể được.

- Nghĩa là đức vua ấy không thể tạo ra ngọc Mani mà Mani ấy vốn có sẵn?

- Đúng vậy.

- Chữ "**phát sanh**" mà Đức Thế Tôn dùng cũng nằm trong ngữ nghĩa ấy. Đức Thế Tôn không tạo ra Đạo mà Đạo vốn là có sẵn.

- Trẫm hiểu rồi.

- Ngọc Mani xưa thần bí, ẩn tàng không ai có thể thấy được, chẳng ai có khả năng làm cho nó lộ diện, chỉ có công năng phước báu của đức Chuyển luân Thánh Vương mới làm cho nó phát sanh. Tương tự như thế, **Bát Chánh đạo** sâu kín, màu nhiệm, khó thấy, khó tìm; chẳng ai trong tam giới có khả năng làm cho Bát Chánh đạo hiện hữu; chỉ có công hạnh Ba-la-mật sâu dày, trí tuệ vô thượng của Đức Phật mới có công năng làm cho Bát Chánh đạo phát sanh giữa cuộc đời.

- Trẫm đã hiểu.

- Lại nữa, ví như người nữ sanh con. Trong bụng người nữ có con mới gọi là người nữ sanh con. Nếu trong bụng người nữ không có con thì người nữ có sanh con được không hở đại vương?

- Chẳng thể nào.

- Đức Phật giác ngộ Bát Chánh đạo từ ngàn xưa, ở trong tâm, rồi nói ra Bát Chánh đạo ấy; cũng như

người nữ có con trong bụng, rồi sanh đứa con ấy ra, tâu đại vương!

- Hay lắm!

- Lại nữa, ví như một người đàn ông giàu có, của cải tài sản, châu báu được chôn giấu nhiều nơi; do chiến tranh, loạn lạc, vật đổi, sao dời, người đàn ông không tìm ra tài sản ấy nữa. Sau đó, do cố gắng, do kiên trì, do trí nhớ, ông ta đã tìm lại được. Ấy có thể gọi là làm cho tài sản phát sanh trở lại không, hờ đại vương?

- Có thể được.

*- Lại nữa, ví như một người đàn ông nọ tự ý vào rừng, nhắm hướng Đông Tây Nam Bắc rồi chặt bỏ bụi bờ, gai góc, làm sạch một con đường, thì tình cờ phát hiện một con đường xưa cũ bộ hành qua lại. Tương tự như thế, Đức Thế Tôn cũng là một người đi vào một khu rừng, phát quang bụi bờ gai góc, chợt tìm ra con đường **Bát Chánh đạo** mà chư Phật quá khứ đã đi qua, vốn đã bị thời gian khuất lấp. Trường hợp ấy cũng cùng một ý nghĩa cả, tâu đại vương!*

- Trẫm đã hết nghi ngờ rồi, thưa đại đức”.

II. NHỮNG BÀI KINH NÓI VỀ MẠT PHÁP

Kinh Tương Ưng tập 2 - Chương IX - Tương Ưng Thí dụ - Bài VII. Cái Chốt Trống:

“...Trú ở Sāvatti.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, dân chúng Dasārahā có một cái trống tên là Anaka. Khi cái trống Anaka bắt đầu nứt ra, dân chúng Dasārahā đóng vào một cái chốt khác. Cho đến một thời gian, này các Tỷ-kheo, cả cái thùng ván của trống Anaka biến mất và chỉ còn lại những cái chốt tụ tập lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo sẽ thành trong tương lai. Những bài Kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh Không, họ sẽ không nghe khi các Kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lắng tai; họ sẽ không an trú chánh tri tâm, và họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải thấu đáo.

Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm, những bài thơ với những danh từ hoa mỹ, với những câu văn hoa mỹ, thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyết giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ lắng tai; họ sẽ an trú chánh tri tâm và họ sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Kinh do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh Không, sẽ đi đến tiêu diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Những bài Kinh nào do Như Lai thuyết giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh Không, chúng tôi sẽ nghe khi các Kinh ấy được thuyết giảng; chúng tôi sẽ lắng tai; chúng tôi sẽ an trú chánh tri tâm. Và chúng tôi sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập".

Trong bài kinh này, Đức Phật lấy ví dụ về cái chốt trống của Trống chiêu tập Anaka. Ban đầu nó bị nứt, người ta chèn một cái chốt vào thì vẫn còn gọi là cái Trống Anaka, từ từ nó hư cái thùng thì thay cái thùng, hư tấm ván thay tấm ván, dần dần không còn cái gì từng thuộc về cái trống như ban đầu nữa nhưng người ta vẫn gọi nó là cái Trống Anaka. Sau đó Đức Phật dạy là có những bài Kinh có nghĩa lý thâm sâu vi diệu, rồi từ từ người ta không có lắng tai, không có thuộc lòng, không có thực tập theo những bài Kinh đó nữa. Nhưng mà người ta thích nghe cái gì? Họ thích nghe những gì êm tai, hoa mỹ, văn chương, nghệ thuật, dù nội dung không còn là lời Phật nữa. Với trí

tuệ của Đức Phật, Ngài thấy rõ là cứ như thế thì theo thời gian thời Mạt Pháp sẽ đến.

Có nhiều bài Kinh rất khô khan, khó hiểu. Cho nên, để giúp người nghe hiểu, quý thầy cũng dùng rất nhiều phương tiện khi giảng, như đưa dẫn chứng, ví dụ, dùng ngôn từ sao cho nhẹ nhàng, gần gũi với đời sống của mọi người, nhưng vẫn cố gắng giữ nguyên nội dung của bản Kinh. Vậy dấu hiệu của thời Mạt Pháp là người ta không biết đến Chánh Pháp nữa vì người ta chỉ nghe những câu văn chương, hoa mỹ mà trong nội dung không còn Phật ngôn nữa.

**Kinh Tăng Chi - Chương VIII Pháp - Phẩm
Gotami - Bài Kinh số 51: Mahāpajāpatī Gotamī:**

*- Nayā Ānanda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ānanda, Phạm hạnh được an trú lâu dài, và **diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm.***

*Vì rằng, này Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nay này Ānanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ānanda, **diệu pháp được tồn tại năm trăm năm.***

*-Vị như, này Ānanda, **những gia đình nào có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất***

đẽ bị các đạo tặc, trộm cắp nã hại. Cũng vậy, này Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài.

-Ví như, này Ānanda, khi nào một chứng bệnh được tên là "trắng như xương" rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài.

-Ví như, này Ānanda, khi nào một chứng bệnh được tên là "đỏ sét" rơi vào một ruộng mía đã chín, thời ruộng mía ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài.

-Ví như, này Ānanda, một người vì nghĩ đến tương lai xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua, cũng vậy, này Ānanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành kính tám pháp này, cho các Tỷ-kheo-ni cho đến trọn đời không vượt qua."

Này Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận tám kính pháp, thời Gotamī có thể được thọ cụ túc giới:

• *Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo-ni đối với một Tỷ-kheo mới thọ đại giới trong một ngày cũng phải đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, xir sự đúng pháp. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.*

• *Tỷ-kheo-ni không thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỷ-kheo. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.*

• *Nửa tháng một lần, Tỷ-kheo-ni cần phải thỉnh chúng Tỷ-kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.*

• *Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỷ-kheo-ni cần phải làm lễ Tự tứ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghi. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.*

• *Tỷ-kheo-ni phạm trọng tội phải hành pháp pakkhamānattam (man-na-đọa) cho đến nửa tháng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.*

• *Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ cụ túc giới trước hai Tăng chúng. Pháp*

này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

- Không vì duyên có gì, một Tỷ-kheo-ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

- Nay Ananda, bắt đầu từ hôm nay, có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo về Tỷ-kheo-ni, không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Này Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận tám kính pháp này, thì cho phép Mahāpajāpatī Gotamī được thọ cụ túc giới.”

Đây là sơ lược về nguyên nhân có bài Kinh trên. Sau khi Thái Tử Tất-Đạt-Đa đản sanh được 7 ngày, mẹ của Ngài (Hoàng Hậu Mayā) mất. Bà Gotamī chính là người mẹ thứ hai và cũng là dì ruột của Ngài, đã hết lòng chăm sóc, nuôi dưỡng Ngài khôn lớn. Vào mùa Hạ thứ năm, Đức Phật cùng Tăng đoàn an cư nhập hạ tại giảng đường *Kuṭāgāra*, trong khu rừng lớn gần kinh thành *Vesālī*. Dì mẫu Mahāpajāpatī Gotamī cùng 500 người nữ dòng *Sakya* tự cạo đầu mặc y như bậc xuất gia, đi chân không từ kinh thành *Kapilavatthu* đến kinh thành *Vesālī*, xin Phật cho xuất

gia. Khi Đức Phật không cho phép người nữ xuất gia, trở thành Tỳ-kheo Ni trong giáo Pháp của Ngài, họ tủi thân đứng khóc trước công giảng đường. Cảm thương di mẫu *Gotamī*, Thầy A-Nan vào xin Đức Thế Tôn. Sau khi Phật từ chối 3 lần, Thầy A-Nan hỏi Đức Phật, “*Bạch Đức Thế Tôn, nữ nhân tu tập có đắc Thánh không?*” Đức Phật trả lời là: “*Người nữ tu tập vẫn đắc Thánh.*” Sau đó Ngài mới dạy Thầy A-Nan về lý do Ngài không muốn cho người nữ xuất gia và tám kính pháp như trên.

Như vậy, theo Chánh Kinh trong Kinh Tăng Chi, chương VIII Pháp, Phẩm *Gotamī* luôn, không phải theo Chú giải, Đức Phật dạy nếu người nữ không xuất gia thì Chánh Pháp tồn tại được 1.000 năm, còn nếu người nữ xuất gia thì Chánh Pháp chỉ tồn tại có 500 năm.

Khi đọc đến đây, chắc đọc giả nữ thấy buồn và suy nghĩ, “*Chắc thân phận của con là kém mọn gì nữa đây!*” Hoặc ai chưa hiểu có thể nói, “*Lại phân biệt nam nữ nữa rồi!*” Trong 3 bài giảng **Nữ Nhân**, quý Phật tử thấy trong Giáo Pháp có sự phân biệt nam nữ không? Không. Nhưng có những quy luật, công thức, sự thật không thể chối cãi. Đức Phật giải thích:

“... *Những gia đình nào có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thì những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp nã hại...*”

Nghĩa là gia đình không có nhiều người khỏe mạnh (người nam) thì gia đình ấy dễ gặp nguy hiểm, không được bảo vệ tốt.

Tiếp theo, Thê Tôn lấy một ví dụ khác, đó là khi một chứng bệnh gọi là “*trắng như xương*” xuất hiện ở một ruộng lúa chín thì ruộng lúa ấy không an trú lâu dài. Bệnh này do một loại nấm gây ra, thường xuất hiện khi cây lúa để nhánh cho đến thời kỳ chín. Cây lúa nào mắc bệnh này sẽ thấy cỏ bông bị bạc trắng và không thể cứu vãn. Trong Kinh nói khi ruộng lúa có bệnh này thì ruộng ấy không sống lâu:

“...khi nào một chứng bệnh được tên là "trắng như xương" rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài...”

Đức Phật lấy thêm một ví dụ nữa tương tự như bệnh “*trắng như xương*” ở ruộng lúa chín, đó là bệnh “*đỏ sét*” ở ruộng mía đã chín. Ruộng mía nào mà bị căn bệnh này thì cũng sẽ mau chết. Bệnh này do một loại nấm gây ra làm cho tất cả bộ phận của cây mía như thân lóng, mầm mía, lá và bẹ lá đều bị hư hoại. Cũng vậy, người nữ xuất gia thì phạm hạnh không được an trú trong lâu dài, Chánh Pháp sẽ chỉ còn 500 năm thôi:

“...khi nào một chứng bệnh được tên là "đổ sét" rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài....”

Khi Thầy A-Nan xin Thế Tôn cho người nữ xuất gia, Ngài cho phép với điều kiện người nữ sau khi xuất gia phải thực hành Bát Kinh Pháp trọn đời:

“...Vì như, này Ānanda, một người vì nghĩ đến tương lai xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua, cũng vậy, này Ānanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành kính tám pháp này, cho các Tỷ-kheo-ni cho đến trọn đời không vượt qua....”

Trong lớp Giáo lý Căn bản này đa phần là cư sĩ nên thầy không giải thích rõ chi tiết của Tám Trọng Pháp này. Ở đây chúng ta chỉ bàn “*Tại sao nữ nhân xuất gia thì Chánh Pháp giảm 500 năm?*” Thứ nhất, vào thời Đức Phật, chư Tăng sống trong tinh xá, trong rừng, các gốc cây, trong hang đá, nơi ngôi nhà trống... nghĩa là đời sống Tam Y Nhất Bát. Khi các vị đã xuất gia rồi, “*trăm sông đổ về biển lớn*” và chúng ta tạm gọi gia tài của người tu chính là Tam Y Nhất Bát:

*“Một bát cơm ngàn nhà,
Thân đi muôn dặm xa,*

*Mắt xanh xem trần thế,
Mây trắng hỏi đường qua.”*

Bên trong của các vị là định, bên ngoài là bát và y, một đời sống thông dong, tự tại. Đời sống xuất gia là không còn màng về chuyện vật chất, trú xứ,... nhưng nếu có người nữ xuất gia thì khó mà được như vậy nữa. Ở bài Kinh trên, Đức Phật nói: “*Những gia đình nào có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thì những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp nào hại...*” Nghĩa là nữ nhân trong gia đình ấy gặp nhiều nguy hiểm, không được an ninh. Cũng vậy, nếu người nữ xuất gia thì trú xứ của các vị ấy phải trong tầm mắt của chư Tăng vì lý do an ninh. Chẳng hạn, chư tỳ kheo có thể sống trong căn nhà trống, trong rừng, gốc cây,... nhưng người nữ xuất gia thì không thể vì sống như vậy rất nguy hiểm. Trường hợp của Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc (*Uppalavaṇṇā*) là một ví dụ điển hình. Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc ở một cốc nhỏ trong rừng, khi ngài đi vào thành *Sāvattihī* khát thực thì một người đàn ông tên *Nanda* theo dõi và biết được chỗ ở của ngài. Hắn lên vào cốc, trốn dưới gầm giường chờ ngài đi khát thực về rồi cưỡng hiếp. Lúc này Tỳ-kheo Ni Liên-Hoa-Sắc đã đắc Thánh quả A-La-Hán, nên sau khi tạo ác nghiệp trọng tội, tên *Nanda* đã bị đất rút và hút xuống đại địa ngục A-Tỳ (*Avīci*).

Như vậy, người nữ xuất gia thì phải có chỗ ở hay trú xứ an toàn, cần được che chở, bảo vệ. Vào thời

Đức Phật, Ấn Độ là quốc gia trọng nam khinh nữ, nên người nữ ở một mình rất nguy hiểm. Khi cần trú xứ thì nhiều vấn đề nảy sinh như xây trú xứ, tốn thời gian chăm lo cho trú xứ đó, cất giữ tài sản, vật thực. Hơn nữa, một khi người ta đã có một cái gì đó riêng thì phải có cái gọi là “*ta và của ta,*” và việc có trú xứ dễ dẫn đến việc “*thụ đắc*” hay còn gọi là chấp trước vào trú xứ ấy. Dần dần những điều này ảnh hưởng đến đời sống phạm hạnh, người tu không còn dốc hết thời gian, công phu tu tập, và Đạo Quả bị ngăn trở. Chính vì vậy mà Giáo Pháp sẽ bị giảm tuổi thọ còn 500 năm sau khi nữ nhân xuất gia.

Thứ hai, có nhiều lý do khác liên quan đến người nữ, và một trong những nguyên nhân đó là tính tình của họ. Đây là 3 bài Kinh liên quan đến tính tình của người nữ (*tham khảo bài Nữ Nhân*):

1/ Vì sao Nữ nhân không thành tựu tinh túy sự nghiệp, đây là nội dung Thầy A-nan hỏi Đức Phật về khiếm khuyết, điểm yếu của người Nữ (***Kinh Tăng Chi, chương IV Pháp, phẩm Không Hý Luận, Tinh Túy Sự Nghiệp***).

2/ Vì sao phần lớn Nữ nhân sau khi mất đọa vào khổ cảnh, đây là nội dung Thầy A-Nậu-Lâu-Đà hỏi Đức Phật (***Kinh Tăng Chi Kinh, chương III Pháp, bài Kinh số 127: Anuruddha***).

3/ Hai bài Kinh nói về sự nguy hại của “*con rắn đen*” trong ***Kinh Tăng Chi, chương V Pháp, phẩm Du Hành Dài, Kinh Rắn Đen.***

Tuy nhiên, nữ nhân có đắc Thánh quả được không? Câu trả lời là được. Nếu họ tu tập, cả cư sĩ và người xuất gia, đều có thể đắc quả vị cao nhất là A-La-Hán. Nghĩa là người nam có thể đắc Quả gì thì người nữ cũng đắc được Quả đó, trừ 5 quả vị là Phật Chánh Đẳng Giác, vua Chuyển Luân Vương, Ma Vương, vua Trời Đế Thích và Phạm Thiên.

Kinh Tiểu Bộ - Kinh Bốn Sanh - Chương I. Phẩm Varana - Kinh số 77. Chuyện Giác Mộng Lớn (*Tiền thân Mahāsupina*): Khi Đức Phật đang trú tại Kỳ Viên tinh xá (*Jetavana*), Ngài đã nói về 16 giấc mộng kỳ bí của Vua Ba-Tư-Nặc (*Pasenadi*). Ở đây, chúng ta chỉ bàn chi tiết về giấc mơ thứ 11.

“...*Bạch Thế Tôn, lúc gần tảng sáng, trẫm đã mơ mười sáu giấc mộng kỳ bí khiến trẫm kinh hoàng và kể lại cho các vị Bà-la-môn nghe. Các vị ấy bảo giấc mộng kia báo trước điềm dữ, vậy để tránh tai họa xảy ra, chư vị ấy phải dâng lễ tế đàn ở bất kỳ ngã tư đường nào. Và chư vị ấy bận rộn chuẩn bị tế lễ, trong khi nhiều sinh vật lo sợ cái chết đang kề trước mắt. Song bạch Thế Tôn, xin hãy cho biết những gì sẽ xảy ra từ những giấc mộng kia, Thế Tôn là bậc tối thượng*”

của chư Thiên và loài người, bậc toàn trí về mọi việc hiện tại, quá khứ và vị lai.

11 - Bạch Thế Tôn, hình như trăm thấy bơ tươi được đem đi đổi lấy gỗ chiên đàn (trâm hương) quý trị giá cả một trăm ngàn đồng tiền. Đó là giấc mơ thứ mười một. Có điều gì xảy ra từ đó chăng?

- Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, ngày mà Giáo pháp của Ta suy tàn. Vào thời đó, nhiều Tỷ-kheo tham lam vô tâm vô úy sẽ xuất hiện, chỉ vì miếng cơm manh áo mà chúng thuyết giảng chính Giáo pháp Ta đã truyền bá cốt để tận diệt dục tham! Do chúng từ bỏ Giáo hội chỉ vì lợi dưỡng tám thân và đứng vào hàng ngũ của bọn tà giáo, nên chúng không thể giảng Chánh pháp đưa đến Niết-bàn. Không, chúng chỉ suy nghĩ, trong lúc giảng pháp, làm sao dùng đủ lời lẽ hoa mỹ và giọng nói ngọt ngào để dụ dỗ quần chúng đem cho chúng thực phẩm, y phục đắt tiền cùng các thứ đại loại như thế và chỉ chuyên tâm đến lợi dưỡng cúng dường. Có những kẻ ngồi ở đại lộ, góc đường, hoàng môn... cúi mình xuống giảng pháp vì tiền, vì các đồng tiền lớn nhỏ. Và trong khi chúng đem bán rẻ Giáo pháp đưa đến Niết-bàn vô giá để đổi lấy thực phẩm, y phục, vàng bạc thì chúng có khác gì kẻ đem đổi gỗ chiên-đàn đáng giá trăm ngàn đồng để lấy thứ bơ tươi kia? ...”

Những gì Đức Thế Tôn giảng giải về giấc mơ của vua Ba-Tư-Nặc bây giờ đã bắt đầu xuất hiện. Giáo Pháp suy tàn dần, ngày càng có nhiều người tham lam, không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Chỉ vì miếng cơm manh áo, vì lợi dưỡng mà người tu đi theo tà giáo, không truyền bá những Pháp tận diệt tham dục, không giảng Chánh Pháp đưa đến Niết Bàn.

Có một ví dụ rất ấn tượng nhưng cũng rất đau lòng. Khi chư Tăng Ni giảng Pháp hoặc ngay cả khi Phật tử nói Pháp cho ai đó nghe giống như mình đem tặng viên ngọc quý cho họ vậy. Nhưng nếu chúng ta giảng Pháp mà mong cầu người nghe cho mình hay cúng dường cho chùa cái gì đó, thật chẳng khác nào mình đem tặng viên ngọc quý cho họ mà xin lại miếng nước bọt của họ vậy. Càng hiểu Pháp, mình càng tôn kính, trân quý Pháp, càng hoan hỷ chia sẻ Pháp đến người muốn học. Nhưng thầy muốn nhấn mạnh điều này: *Pháp phải có người thỉnh thì mới giảng* vì nếu người nghe không tôn kính Pháp thì họ sẽ không trân quý, thậm chí có thể xem thường Pháp Bảo, và vì thế mà vô tình tạo bất thiện nghiệp.

Trong kinh còn lưu lại câu chuyện về cô thị nữ lưng gù *Khujjuttarā* đối thoại với Hoàng hậu *Sāmāvatī*, và đây là một bài học sâu sắc cho chúng ta. Cô *Khujjuttarā* thân phận là tỳ nữ. Sau khi có duyên được nghe Đức Phật thuyết Pháp, cô đắc quả Thánh Tu-Đà-Hoàn và được Thế Tôn ca ngợi là vị cư sĩ có

biệt hạnh đệ nhất thuyết Pháp. Khi Hoàng hậu *Sāmāvati* thỉnh cô thuyết Pháp, cô trả lời: “*Thưa Hoàng hậu đáng kính, Pháp ấy không dễ thuyết. Thứ nhất là phải biết kính trọng Pháp, thứ hai là phải biết kính trọng người thuyết, thứ ba là người thuyết và người nghe phải dọn mình cho sạch sẽ, thanh tịnh.*” Mặc dù ở địa vị gần như tối cao, nhưng để được nghe cô thuyết Pháp, hoàng hậu phải thỉnh cô và phải ngồi thấp hơn cô. Nếu đọc không kỹ hay hiểu không tới, nhiều người sẽ nghĩ: “Phận nô tỳ mà bày đặt chảnh với hoàng hậu.” Nhưng mọi người nên hiểu rằng về những phương diện ngoài đời, cô *Khujjuttarā* không hề bất kính đối với hoàng hậu, nhưng ở đây cô yêu cầu như vậy vì lòng tôn kính Pháp, vì hoàng hậu muốn nghe Pháp, vì chính Đức Phật cũng tôn kính Pháp, cũng nương Pháp mà thành Đạo.

Kinh Tăng Chi, chương VIII Pháp: trong bài kinh này, Đức Phật dạy có 8 lỗi lầm của cư sĩ khiến chư Tăng úp bát, không nhận sự cúng dường. Thời Đức Phật, các vị Tỳ-kheo ôm bát đi khát thực, và thí chủ cúng gì thì ăn đó. “Úp bát” nghĩa là vị Tỳ-kheo không nhận vật thực, đồng nghĩa là thí chủ đó bị mất đi cơ hội quý báu là cúng dường tạo phước, gieo duyên lành. Trong 8 trường hợp úp bát thì có 3 trường hợp do thí chủ xúc phạm Phật – Pháp – Tăng.

"Này chư Tỳ-kheo, với người cư sĩ có một trong tám lỗi này, Tăng chúng có thể úp bát đối với người ấy, nếu muốn:

1- Cố tình làm cho chư Tỳ-kheo mất lợi lộc (*Bhikkhūnaṃ alābhāya parisakkati*), như là ngăn chặn người khác cúng dường các Tỳ-kheo.

2- Cố tình gây bất lợi cho chư Tỳ-kheo (*Bhikkhūnaṃ anattāya parisakkati*), như là làm cho các Tỳ-kheo bị xáo trộn, lo sợ mà không tu tập được.

3- Cố tình làm cho chư Tỳ-kheo không chỗ ở (*Bhikkhūnaṃ anāvāsāya parisakkati*), như là đập phá tịnh thất của chư Tỳ-kheo, hoặc đuổi các Tỳ-kheo đi khỏi chùa mà họ có quyền hạn.

4- Mắng chửi nhiếc móc các Tỳ-kheo (*Bhikkhū akkosati paribhāsati*), như nói với Tỳ-kheo bằng lời kiếm nhả do sân tâm.

5- Chia rẽ Tỳ-kheo với Tỳ-kheo (*Bhikkhū Bhikkhūhi vibhedeti*), như là nói ly gián giữa các Tỳ-kheo, tạo sự bất hòa giữa các Tỳ-kheo, làm cho các Tỳ-kheo không hòa hợp.

6- Phỉ báng Phật (*Buddhassa avaṇṇaṃ bhāsati*), như là nói lời phạm thượng, nói xuyên tạc, nói lời bất kính với Đức Phật.

7- *Phỉ báng Pháp (Dhammassa avañṇam bhāsati), nói lời công kích, xuyên tạc, bất kính với Giáo Pháp.*

8- *Phỉ báng Tăng (Saṅghassa avañṇam bhāsati), nói mạ lỵ, xuyên tạc, bất kính đối với Tăng chúng.”*

Kinh Trường Bộ - Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hông, bài Kinh số 26: Trong bài Kinh này, Đức Thế Tôn tuyên bố những gì sẽ xảy ra trong thời Mạt Pháp, khi tuổi thọ của chúng sanh còn 10 tuổi. Trung bình, cứ 100 năm thì tuổi thọ con người giảm 1 tuổi. Ở kiếp hiện tại, tuổi thọ của nhân loại trung bình là hơn 70 tuổi và chúng ta đang sống trong “kiếp giảm.”

“...Này các Tỷ kheo, một thời sẽ đến khi những người con của loài người chỉ sống đến mười tuổi. Này các Tỷ kheo, **khi tuổi thọ loài người chỉ mười tuổi**, con gái đến năm tuổi sẽ lập gia đình. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loại sau này sẽ biến mất, tức là tô, lạc, dầu, đường cát và muối. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, loại hạt Kudrusa trở thành món ăn tối thượng. Này các Tỷ kheo, như hiện nay cháo thịt là những món ăn tối thượng, cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, loại hạt Kudrusa trở thành món ăn tối thượng. Khi tuổi thọ loài người đến mười

tuổi, mười thiện hạnh hoàn toàn biến mất và mười bất thiện hạnh tăng thịnh tới đa. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, chữ thiện cũng sẽ không còn, nói gì ai là người làm điều thiện?...”

Theo bài kinh này, điều đáng sợ nhất khi tuổi thọ của loài người chỉ còn 10 năm là “*mười thiện hạnh hoàn toàn biến mất và mười bất thiện hạnh tăng thịnh tới đa.*” Mười thiện hạnh nghĩa là **Thập Thiện**, 10 cách tạo phước:

-*Thân thiện nghiệp* gồm không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm;

-*Khẩu thiện nghiệp* gồm không nói dối, không nói lời chia rẽ, không nói lời thô tục, không nói lời vô ích;

-*Ý thiện nghiệp* gồm không tham lam, không thù hận, từ bỏ tà kiến (có chánh kiến).

Trái với Thập Thiện là **Thập Ác**: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, tham lam, thù hận, tà kiến. “*Khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, chữ thiện cũng sẽ không còn, nói gì ai là người làm điều thiện?*” Như vậy, con người chỉ toàn tạo ác nghiệp, tức là chỉ có một kết cục chờ đợi là đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Hiện tại chúng ta cũng đã biết đâu đó những trường hợp cực ác như giết người, trộm cướp rất nhẫn tâm. Đây là

những dấu hiệu cho thấy loài người đang bước dần vào thời Mạt Pháp rồi.

*“...Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, **những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự hiếu kính đối với Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với người cầm đầu trong gia đình, những người ấy sẽ được người ta lễ bái, tán dương.** Này các Tỷ kheo, như hiện nay những ai hiếu kính với cha mẹ, kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính đối với những người cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương. Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với các vị cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương...”*

Nghĩa là vào thời Mạt Pháp, những kẻ kém đạo đức thì được tán dương, ca tụng. Trong thời đại ngày nay, chúng ta đã thấy những người quậy phá, nói những ngôn từ thô tục, hoặc làm những điều bất thiện mà lại được người khác tán dương chưa? Hiện tượng này giờ đã xuất hiện, và sẽ tràn lan trong thời Mạt Pháp.

“...Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, không có phân biệt mẹ hay bá mẫu hay

*thúc mẫu, vợ con của sư trưởng, chị dâu của cha. Thế giới rơi vào **thông dâm** như dê, gà, heo, chó và chó rừng...”*

Tại sao thời đó lại loạn luân như vậy? Vì con người sống với quá nhiều tâm bất thiện. Cho nên khi học những bản Kinh này, biết được những gì sẽ xảy ra trong thời Mạt Pháp nhờ lời dạy của Đức Phật, mình phải ráng lo tu, đừng để sanh vào giai đoạn này, vì rất dễ cộng nghiệp mà kéo nhau đi xuống. Nếu chưa chứng ngộ Niết Bàn thì hy vọng với thật nhiều thiện nghiệp, mình có thể tái sanh lên cõi Trời, làm chư Thiên và được gặp các vị Thánh nhân trên ấy để tiếp tục tu học. Mình cũng nên tự nhắc mình tu bằng những câu như: “*Đường sinh tử hôn ai nấy giữ;*”

*“Lênh đênh trong cõi Diêm Phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.”*

*“...Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, **hại tâm rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt**. Mẹ đối với con, con đối với mẹ, cha đối với con, con đối với cha, anh đối với em, em đối với anh, em đối với chị, chị đối với em, **hại tâm rất mãnh liệt, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt**. Này các Tỷ kheo, như người thợ săn khi thấy loài thú, **hại tâm rất mãnh liệt khởi lên, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt khởi lên**. Cũng vậy này các Tỷ*

kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, hại tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt...

...Này các tử kheo, khi loài Người tuổi thọ chỉ có mười tuổi, đao trượng kiếp khởi lên trong bảy ngày, trong thời gian ấy họ xem nhau như loài thú, đao kiếm sắc bén hiện ra trong tay của họ. Với đao kiếm sắc bén ấy họ tàn hại mạng nhau, xem nhau như loài thú..."

“Đao trượng kiếp” tức là giai đoạn 7 ngày người ta chém giết nhau, xem nhau như loài thú. Trong thời gian đó, nghiệp ác của chúng sanh trở quả nên họ tàn sát lẫn nhau, không còn tính người. Giai đoạn Mạt Pháp còn có những nguyên nhân khác khiến người ta mất mạng như dịch bệnh, nạn đói. Nhưng may thay, trong đoạn Kinh sau bắt đầu có ánh sáng.

*“...Này các Tử kheo, giữa các loài hữu tình ấy, một số suy nghĩ: **"Chúng ta chó giết ai; mong đừng ai giết chúng ta.** Chúng ta hãy đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc hay kẽ núi và sống với rễ và trái cây". Họ đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẽ núi đi ra, ôm lấy nhau, cùng nhau an ủi, khoan khoái nói với nhau: "Sung sướng thay được thấy bạn còn sống! Sung sướng thay được thấy bạn còn sống!" Này các Tử kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: **"Vì chúng ta***

tạo nhân bất thiện nên bà con chúng ta bị giết hại nhiều như vậy. Vậy chúng ta hãy làm điều thiện. Chúng ta làm điều thiện như thế nào? Chúng ta chớ có sát sanh. Đó là điều thiện chúng ta có thể làm".
"Chúng ta sẽ không sát sanh", đó là điều thiện họ làm. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ của họ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vì tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh, nên tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi nhưng con của họ, thọ đến hai mươi tuổi.

Này các Tỷ kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Chúng ta nhờ hành thiện pháp làm nhân, nên tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vậy chúng ta hãy làm việc thiện nhiều hơn nữa. **Chúng ta hãy gìn giữ không lấy của không cho, gìn giữ không làm các tà hạnh, gìn giữ không nói láo, gìn giữ không nói hai lưỡi, gìn giữ không ác khẩu, gìn giữ không nói lời phù phiếm, từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ tà kiến, tà bỏ ba pháp tức là phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến.** Chúng ta hãy hiếu kính cha mẹ, kính lễ các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính các vị cầm đầu trong gia đình. Chúng ta hãy thực hành thiện pháp ấy..."

Trong vô số người đang cuồng sát đó, may mắn là một số ít người còn biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi nên trốn vào nơi hẻo lánh, rồi họ an ủi, khích lệ nhau bỏ điều bất thiện, dần dần giữ giới, hành Thập Thiện,

nên tuổi thọ của loài người nhờ vậy cũng tăng lên dần, đến 80.000 tuổi thì Đức Phật Di Lặc (*Metteyya*) ra đời.

“...Này các Tỷ kheo, **khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya sẽ ra đời**, là vị A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; như Ta nay sanh ra ở đời này, là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Vị này tự mình biết, chứng, và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời, loài Người; như Ta hiện nay tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời và loài Người. Vị này sẽ thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh; như Ta hiện nay thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Vị này sẽ có khoảng vài ngàn vị Tỷ kheo Tăng đoàn; như Ta hiện nay có khoảng vài trăm vị Tỷ kheo Tăng đoàn vậy...”

Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai, Kinh Tăng Chi, Chương V Pháp, Phẩm VIII Chiến Sĩ:

“Có năm sợ hãi về tương lai này, hiện chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận những sợ hãi ấy.

1. Nay các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các y tốt đẹp**. Do họ tham muốn các y tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ các y nhặt nơi đồng rác, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng, họ sẽ đi đến các làng, thị trấn, kinh đô vua chúa và sống tại các chỗ ấy. Vì nhân y áo, họ sẽ rơi vào những hành vi tâm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

2. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành**. Do họ tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành, họ sẽ từ bỏ nếp sống khát thực, từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đấy, tìm cầu các món ăn thượng vị, như vớی đầu lười. Do nhân đồ ăn khát thực, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tâm cầu không thích hợp.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn sàng tọa tốt đẹp**. Do họ tham muốn các sàng tọa tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ nếp sống dưới gốc cây, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đấy. Vì nhân sàng tọa, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tâm cầu không thích hợp.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có **những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, các chánh học nữ, các Sa-di-ni**. Khi sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, chánh học nữ, Sa-di-ni, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ không thích thú sống Phạm hạnh, hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có **những Tỷ-kheo trong tương lai sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn, với các Sa-di**. Khi sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn và với các Sa-di, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là họ sẽ sống và tận hưởng các vật liệu cất chứa, và họ sẽ làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi

trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.”

Đại ý Đức Phật dạy là trong tương lai sẽ có những người chỉ tham đắm vào đời sống vật chất, bỏ bê đời sống tâm linh, nên những thiện pháp, Chánh Pháp dần dần biến mất, mất gốc.

Trên đây là một vài bài Kinh nói về thời Mạt Pháp là như thế nào. Chúng ráng tu làm sao để không tái sanh vào thời Mạt Pháp nếu không sẽ đau khổ triền miên.

III. NHỮNG LÝ DO MẠT PHÁP

Kinh Tương Ưng – Tương Ưng Ca-Điếp (Kassapa): Đức Phật đề cập 5 lý do dẫn đến Mạt Pháp.

“Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?”

-Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

-Này Kassapa, **DIỆU PHÁP** không biến mất cho đến khi nào **TƯỢNG PHÁP** không hiện ra ở đời. Và Kassapa khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

-Ví như, này Kassapa, **vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời**. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất.

-Cũng vậy, này Kassapa, diệu pháp không biến mất, khi nào tượng pháp chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

-Này Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất.

-Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất**.

Các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- 1/ Sống không tôn kính, không tùy thuận **bậc Đạo Sư**,
- 2/ Sống không tôn kính, không tùy thuận **Chánh Pháp**,
- 3/ Sống không tôn kính, không tùy thuận **chúng Tăng**,
- 4/ Sống không tôn kính, không tùy thuận **học Giới**,

*5/Sống không tôn kính, không tùy thuận đối với **Thiền Định**.*

-Này Kassapa, chính những thói pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

Tứ chúng đệ tử gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, cận sự nam, cận sự nữ. Bạc Đạo Sư là Đức Phật. Ngày nào mà từ người xuất gia đến người cư sĩ ‘*sống không tôn kính, không tùy thuận*’ nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, nơi học Giới và nơi Thiền Định thì diệu pháp sẽ biến mất. ‘*Không tôn kính, không tùy thuận*’ nghĩa là không còn tin tưởng, không thực hành theo lời Đức Phật, theo Chánh Pháp và chư Thánh Tăng hướng dẫn nữa. Tứ chúng lúc này cũng không tu học theo Giới và Thiền Định nữa mà chỉ tôn kính, quy thuận những ác pháp, văn chương của thi sĩ như trong bài Kinh Cái Chốt Trống.

Và cũng trong bài Kinh này, Đức Phật nêu ra 5 lý do đưa đến diệu pháp không biến mất, được bền vững. Đó là khi tứ chúng tôn kính, tùy thuận Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thiền Định.

“Và có năm pháp, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?”

Ở đây, này Kassapa, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- 1/ *Sống kính trọng, tùy thuận **bậc Đạo Sư**,*
- 2/ *Sống kính trọng, tùy thuận **Chánh Pháp**,*
- 3/ *Sống kính trọng, tùy thuận **chúng Tăng**,*
- 4/ *Sống kính trọng, tùy thuận **học Giới**,*
- 5/ *Sống kính trọng tùy thuận **Thiền Định**.*

Chính NĂM PHÁP này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp”.

Kinh Tăng Chi – Chương V Pháp – Phẩm Diệu Pháp. Trong phẩm này Đức Phật dạy ba bài Kinh, mỗi bài là 5 lý do dẫn đến Mạt Pháp.

Bài Kinh số 154: Diệu Pháp Hỗn Loạn (1)

“Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Thế nào là năm?”

1/ *Các Tỷ-kheo không cẩn trọng nghe Pháp* (Ở đây, các Tỷ-kheo là đại diện cho tứ chúng gồm Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ.)

2/ *Không cẩn trọng học thuộc lòng Pháp* (nghĩa là nghe với tâm không tôn kính, không cẩn trọng, không cố gắng ghi nhớ gì hết, nghe như “*cười ngửa xem hoa*,” nghe lướt lướt, tai này qua tai kia, nghe Pháp kiểu “*trí tuệ bấp vế, trí tuệ lộn ngược*”.)

3/ *Không cẩn trọng thọ trì Pháp* (nghĩa là không cẩn thận áp dụng, thực hành Pháp.)

4/ Không cần trọng quan sát ý nghĩa các Pháp được thọ trì Tức là không cần thận, tôn kính, cố gắng thấu hiểu các Pháp thọ trì; không tinh tấn thực hành, không hiểu Pháp thông qua sự thực hành, không quan sát sự thực hành Pháp, không đối chiếu sự thực hành của mình với những gì được giảng dạy để ngày càng hiểu sâu hơn, thực hành đúng đắn hơn; không học và hành hết lòng mà chỉ có hình thức.

5/ Không cần trọng thực hành Pháp và tùy Pháp sau khi hiểu ý nghĩa và hiểu Pháp:

nghĩa là chỉ học để hiểu Pháp trên lý thuyết nhưng không hết lòng thực tập, không sống với Pháp thường xuyên.

Bài Kinh số 155: Diệu Pháp Hỗn Loạn (2)

“Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn, và biến mất. Thế nào là năm?”

*1/ Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo **không học thuộc lòng** Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tằng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất...”*

Việc thuộc lòng Pháp là rất quan trọng. Đến hôm nay trên thế giới chỉ còn khoảng hơn 10 vị là học thuộc lòng Tam Tạng Kinh - Luật - Luận. Mình không có trí

nhớ xuất chúng như các vị đó thì cũng cố gắng học thuộc một số bài kinh quan trọng. Tại sao? Vì Kinh là lời dạy của Phật, là kim chỉ nam hướng dẫn mình sống ngày càng hướng thượng và đến bờ Giải thoát. Lời Kinh học nằm lòng sẽ là sự nhắc nhở cho mình về cách thức, con đường tu tập, giúp mình tỉnh ra khi gặp phiền não. Có nhiều khi mình chỉ học thuộc và hiểu còn nông cạn, nhưng trong một hoàn cảnh nào đó, lời Phật dạy lại ứng dụng vào, khiến mình bừng ngộ, thấu hiểu lời Ngài dạy ở những mức độ sâu hơn. Học thuộc kinh cũng là một thiện nghiệp mình mang theo khi còn trôi nổi trong bể trầm luân. Một lý do quan trọng nữa là học thuộc Kinh là một cách tôn kính, gìn giữ lời Phật dạy, không để mai một theo thời gian

“...2/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không thuyết Pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất...”

Nghĩa là sau khi học hiểu rồi, dù đủ duyên như có người tha thiết học Pháp, mà mình không dạy lại, không chia sẻ hiểu biết, chỉ giữ riêng cho bản thân mình thôi. Mọi người nên nhớ rằng **“Tối thượng của ái ngữ là tiếp tục thuyết Pháp cho những ai còn hy cầu và lắng tai nghe”** (Kinh Tăng Chi, chương IX Pháp, phẩm Chánh Giác, Kinh Những Sức Mạnh). Tức là nếu có người tôn kính, trân quý Pháp và muốn

nghe Pháp thì chúng ta nên chia sẻ với họ trong khả năng của mình. Thứ nhất, khi tu học đúng thì mọi người đỡ lạc vào tà kiến, đỡ gây nhân đau khổ cho chính họ và cho chúng sanh khác. Thứ hai, khi càng nhiều người hiểu Pháp thì Chánh Pháp còn tồn tại lâu dài và nhờ đó mà nhiều người được hưởng lợi lạc.

“...3/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không để cho các người khác nói Pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất...”

Lý do thứ 2 là không thuyết Pháp rộng rãi, còn lý do thứ 3 là ngăn cản, không tạo duyên cho người khác thuyết Pháp. Như vậy, để Phật Pháp lưu truyền, vững bền, Phật tử nên hỗ trợ việc thuyết Pháp rộng rãi. Mình chỉ có thể nói Pháp cho 1 hay 2 người nghe được, nhưng đối với cả hội chúng thì không thể, cho nên mình lập một đạo tràng rồi thỉnh chư Tăng đến thuyết Pháp. Việc thỉnh mời chư tăng thuyết Pháp gọi là tạo duyên cho người khác thuyết Pháp rộng rãi.

“...4/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không có đọc tụng Pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất...”

Đọc tụng Pháp nghĩa là đọc Kinh, tụng Kinh. Khi chúng ta tụng Kinh cũng là một cách để duy trì Phật Pháp có mặt trên đời. Khi không còn ai ôn tụng lại những lời dạy của Đức Phật nữa thì diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

“...5/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo với tâm không tùy tâm, không tùy tứ, với ý không tùy quán Pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn, và biến mất.”

Tâm là sự hướng tâm đến, *tứ* là sự xem xét đối tượng, và *tùy quán* là sự quán xét đúng như thật. Như vậy, ‘*Không tùy tâm, không tùy tứ, ý không tùy quán Pháp*’ nghĩa là sau khi được nghe Pháp mình không thường xuyên hướng tâm, suy tư, tìm hiểu cặn kẽ, quán sát về Pháp đã học, trên lý thuyết và trên thực tế thực hành các Pháp đó. Dù là người cư sĩ hay người xuất gia, chúng ta đều được Phật dạy rất nhiều cách, nhiều cấp độ để tu tập mọi lúc mọi nơi. Việc tìm hiểu cặn kẽ, suy xét về Pháp đã được học, và áp dụng, quan sát các Pháp đó trong thực tế cuộc sống, trong sự thực hành của mình ảnh hưởng rất nhiều đến sự trường tồn của Phật Pháp. Tại sao? Vì nếu không làm như vậy, mình sẽ không thấy được giá trị thực tiễn, cao quý của lời Phật dạy, không tự chứng ngộ giáo lý dẫn đến Giải

thoát như bản chất *vô thường, khổ, vô ngã*, hay những chuỗi *nhân-quả* trùng trùng điệp điệp trong mọi hoạt động của thân và tâm, và mình sẽ ngày càng bỏ bê, thậm chí coi thường việc tu tập. Vì nếu không thường xuyên sống với Pháp như vậy, chúng ta sẽ hầu như chỉ sống theo đời, theo thói quen hành xử, suy nghĩ bị tham sân si thúc đẩy. Người ngoài nhìn vào sẽ đánh giá sao Phật tử hay người tu mà hành xử kỳ vậy, còn bản thân mình thì cứ tiếp tục, thường xuyên gieo nhân bất thiện mà không hay biết. Khi nhìn những người Phật tử như vậy, ai sẽ có thiện cảm, muốn tiếp cận để tìm hiểu, học hỏi, tu tập theo Phật nữa?

Bài Kinh số 156: Điều Pháp Hồn Loạn (3)

“Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến điều pháp hồn loạn và biến mất. Thế nào là năm?”

1/ Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng Kinh điển bị nắm giữ sai lạc, với những văn cú đặt sai lầm. Này các Tỷ-kheo, với văn cú đặt sai lầm, ý nghĩa bị hướng dẫn sai lạc. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến điều pháp hồn loạn và biến mất...”

Trước tiên mọi người nên nhớ Tỷ-kheo ở đây là đại diện cho tứ chúng gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ. Nghĩa là lời dạy này không chỉ dành riêng cho bậc xuất gia. Giả sử để đi từ nhà mình đến chùa phải đi theo con đường này, rẽ phải tại ngã tư thứ

ba, đi một đoạn 500m sẽ thấy chùa bên tay phải, nhưng có người chỉ mình rẽ trái tại ngã tư thứ hai, vậy mình có đến chùa được không? Chỉ một chuyện thật nhỏ như vậy mà bị hướng dẫn sai, mình đã lạc đường, hay mất công đi lại từ đầu, hướng hồ gì việc đi trên con đường tu tập giải thoát, không phải chỉ đi trong một kiếp người và những hướng dẫn về cách tu tập cũng không phải là dành cho một chúng sanh duy nhất. Cho nên, việc tìm hiểu cho tới nơi, học và hiểu cho đúng Chánh Kinh, chính xác lời Phật dạy là vô cùng quan trọng. Đây cũng là lý do Chánh Kinh thường được dẫn trong các bài giảng của rất nhiều chư tăng ni, để góp phần gìn giữ cho diệu pháp không hỗn loạn và biến mất.

“...2/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người khó nói, đầy đủ những tánh khiến họ trở thành khó nói, khó kham nhẫn, không cung kính đón nhận khi được giảng dạy. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, khiến diệu pháp hỗn loạn và biến mất...”

Ở đây, Phật nói đến tính khó dạy bảo của Tỷ kheo hay của người nghe, học Pháp nói chung. Những ai từng phải dạy dỗ hay huấn luyện ai đó như con cháu, học trò, nhân viên mới mà người học có những tánh như Phật nói trong đoạn Kinh này chắc thấy dễ hiểu lắm. Một là gặp người trò như vậy, người thầy khó có hứng thú, nhiệt tâm truyền tải kiến thức, nhất

là những điều tâm huyết. Hai là với tâm lý như vậy người học cũng khó mà tiếp thu trọn vẹn sự mọi chỉ dẫn, không thể làm tốt được việc cần làm. Hậu quả là trò không thể hơn thầy và thậm chí không thể bằng thầy, và những cái hay nhất, tinh túy nhất bị mai một là điều không tránh khỏi. Tương tự, nếu người học Pháp mà là người “*khó nói, khó kham nhẫn, không cung kính đón nhận khi được giảng dạy*” thì Chánh Pháp khó được truyền bá rộng rãi, lâu dài

“...3/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, Thánh giáo được trao truyền, là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy **không cần trọng để cho người khác nói Pháp**. Do duyên này của họ, Khế kinh như bị đứt gốc, không còn là chỗ nương tựa. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất...”

“Không cần trọng để cho các người khác nói Pháp” tức là những vị đã hiểu nghĩa lý của Kinh rồi nhưng không thuyết Pháp mà để cho người không hiểu Pháp nói những điều sai lệch.

“...4/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo Trưởng lão là những vị sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thói đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, không có hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng

về sau sẽ đi theo tri kiến của họ. Họ cũng sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thói đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, sẽ không hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

Đối tượng Phật nhắc đến trước tiên và cũng rất quan trọng ở đây là những bậc Trưởng lão trong hàng xuất gia. Khi những vị này từ bỏ lối sống phạm hạnh, từ bỏ lý tưởng, hoài bão là tu tập giải thoát, đắc Thánh quả, thì bản thân họ thói đọa trong đời này và đời sau và đáng sợ hơn nữa họ là những tấm gương xấu cho người khác nhìn vào. Khi ấy cả người xuất gia và người tại gia, dù có là Phật tử hay không, sẽ dễ mất niềm tin nơi Tam Bảo, sẽ dễ tạo ác nghiệp khi chê trách hay bêu rếu những vị Trưởng lão này trong những lúc nói chuyện phiếm, và sẽ càng dễ dàng noi theo gương xấu đó mà không hết lòng sống hướng thiện, hướng thượng, và nhất là tu tập giải thoát. Như vậy, một trong những sự nguy hại cho Giáo Pháp là sự dễ dãi, phóng túng trong việc tu tập, trước tiên là của những bậc Trưởng lão, sau là của người ngoài đời.

*“...5/ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **chúng Tăng bị chia rẽ**. Khi chúng Tăng bị chia rẽ, này các Tỷ-kheo, có sự mắng nhiếc lẫn nhau, có sự đấu khẩu lẫn nhau, có sự thanh trừng lẫn nhau, có sự tấn xuất lẫn nhau.*

Ai không có tịnh tín, không tìm được tịnh tín, và những ai có tịnh tín có thể đổi khác. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất”.

Và một trong những nguyên nhân đưa đến Mạt Pháp đó là “*chúng Tăng bị chia rẽ*”. Lúc này Tăng chúng không còn hòa hợp, không còn đoàn kết nữa và nhiều chuyện lục đục hay xảy ra. Đó là dấu hiệu của Mạt Pháp.

Khi học xong ba bài Kinh nói về lý do làm Diệu Pháp hỗn loạn và biến mất, thầy hy vọng mỗi chúng ta tự ngẫm lại những gì đang xảy ra ở hiện tại, và nhất là mình có góp phần dẫn đến Mạt Pháp không để tự chán chĩnh mình, cố gắng làm những gì tốt nhất có thể để gìn giữ cho Chánh Pháp tồn tại lâu dài.

IV. NHỮNG CHÚ GIẢI ĐỀ CẬP ĐẾN SỰ BIẾN MẤT CỦA GIÁO PHÁP

1. Chánh Giác Tông (*Buddhavamsa*)

Từ đầu bài đến giờ, thầy giảng theo **Chánh Tạng** (*Tipiṭaka*), nhưng trong phần cuối này, thầy giảng theo các bộ **Chú giải** (*Aṭṭhakathā*). Trước khi đi

vào chi tiết, mọi người nên nhớ là trong Chánh Kinh, tức là trong các bài Kinh bản gốc thì **không có một bản Kinh nào Đức Phật nói là Giáo Pháp tồn tại 5.000 năm**. Nhưng trong nhiều bản Chú giải có nói là thời gian tồn tại, tuổi thọ của Giáo Pháp là 5.000 năm.

Hiện nay Phật lịch là 2.565 năm. Nếu tính theo các bản Chú giải thì tuổi thọ của Giáo Pháp đã đi được hơn nửa đoạn đường rồi. Trong bản **Chú giải Chánh Giác Tông (Buddhavamsa)** do Hòa Thượng Bửu Chơn dịch có nói về 5.000 năm tồn tại của Giáo Pháp được chia làm 5 thời kỳ. Phần này được tìm thấy trong bộ Chú giải nói về lời dạy của Đức Phật cho Ngài Xá-Lợi-Phất nhưng không được đề cập trong Chánh Tạng.

1/ Giai đoạn 1.000 năm đầu là sự biến mất của Đạo Quả. Tức là đúng 1.000 năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn thì từ từ không còn ai chứng Đạo Quả nữa, không còn xuất hiện các bậc Thánh nhân nữa.

2/ Giai đoạn 1.000 năm thứ hai là sự biến mất của Pháp Hành.

3/ Giai đoạn 1.000 năm thứ ba là sự tiêu hoại về Pháp Học, không có ai thuộc nằm lòng Tam tạng và Tam tạng mất dần dần. Đầu tiên là mất tạng Luận (Vi Diệu Pháp), đến tạng Kinh rồi đến tạng Luật. Tạng Luật mà mất thì Đạo cũng không còn vì Tạng Luật là nền tảng của Phật giáo.

4/ Giai đoạn 1.000 năm thứ tư là mất Tăng tướng, nghĩa là đắc thì không đắc, mà học cũng không thêm học, rồi hành cũng không hành, nhưng còn được Tam Y Quả Bát, rồi dần dần Tam Y Quả Bát mất luôn. Thời Đức Phật, Tăng chúng đi khát thực bằng bát, thí chủ cúng gì ăn đó. Vào 1.000 năm thứ tư này thì Tăng chúng không còn đi bát nữa mà khát thực bằng đòn gánh, bằng bao bố, bằng xe, tức là một người đi khát thực mà nuôi được rất nhiều người. Rồi theo thời gian hình tướng người tu mặc y cà-sa mất luôn. Tiếp theo là chỉ còn một mảnh vải vàng cột vào cổ tay hoặc vắt trên vai, hoặc dắt mép tai cho biết đây là người tu thôi.

5/ Giai đoạn 1.000 năm cuối cùng là sự biến mất của Xá-Lợi: ở 1.000 năm cuối này thì hình tướng người tu hoàn toàn đã biến mất. Theo Chú giải thì đến giai đoạn này tất cả Xá-Lợi trong Tam giới sẽ gom lại 1 lần tại Bồ Đề Đạo Tràng (*Bodhgaya, Ấn Độ*). Các Xá-Lợi này sẽ đóng thành khối hoá hiện ra một vị Phật có đầy đủ hảo tướng, hào quang chói lòa, thuyết giảng trong vòng 7 ngày 7 đêm cho chư Thiên mười ngàn vũ trụ về nghe. Trong số chư Thiên về nghe Pháp, vị nào đắc Thánh được thì đắc. Sau 7 ngày 7 đêm đó thì lửa tự nhiên trong kim thân phát cháy tiêu hủy Xá-Lợi. Kể từ ấy, chúng sanh không còn ai biết đến Phật Pháp nữa, Giáo Pháp của Đức Thế Tôn hoàn toàn bị tiêu diệt và cái biến mất cuối cùng là Xá-Lợi của Ngài.

2. Chú Giải Bộ Pháp Tụ (*Dhammasaṅgāni Aṭṭhakathā*)

Chú giải bộ Pháp Tụ cũng đề cập con số 5.000 năm tuổi thọ của Phật giáo được chia làm 5 giai đoạn nhưng không được nói đến trong Chánh Tạng.

1/ Giai đoạn thứ nhất là 1.000 năm đầu tiên: thời kỳ này vẫn còn những vị Thánh A-La-Hán Tứ Tuệ Phân Tích, là những vị Thánh A-La-Hán có Pháp - Nghĩa - Từ - Biện. Nghĩa là các ngài vừa đắc Thánh vừa có khả năng tuyên dương, truyền bá Giáo Pháp rộng rãi. Nhưng sau 1.000 năm đầu thì không còn những vị này nữa.

2/ Giai đoạn 1.000 năm thứ hai: chỉ còn những vị Thánh A-La-Hán thô, không còn vị A-La-Hán có Trí Tuệ Phân Tích nữa. Giai đoạn này còn các vị A-La-Hán bình thường, tức là về phiền não thì các ngài đã chấm dứt hết rồi, nhưng về Trí Tuệ Phân Tích đặc biệt thì không còn nữa. Sau 1.000 năm thứ hai này thì không còn bậc Thánh A-La-Hán nữa.

3/ Giai đoạn 1.000 năm thứ 3: hoàn toàn không còn bậc Thánh đắc Tứ quả A-La-Hán, chỉ còn bậc Thánh Tam quả A-Na-Hàm. Sau giai đoạn này thì không còn bậc Thánh A-Na-Hàm nữa.

4/ Giai đoạn 1.000 năm thứ 4: hoàn toàn không còn bậc Thánh Tam quả A-Na-Hàm, chỉ còn bậc Thánh

Nhị quả Tu-Đà-Hàm. Sau giai đoạn này thì không còn bậc Thánh Tu-Đà-Hàm.

5/ Giai đoạn 1.000 năm thứ 5: hoàn toàn không còn bậc Thánh Nhị quả Tu-Đà-Hàm, chỉ còn bậc Thánh Sơ quả Tu-Đà-Hoàn. Sau khi hết giai đoạn 1.000 thứ năm này thì không còn ai đắc quả Thánh nữa.

3. Chú Giải Trưởng Lão Tăng Kệ (*Theragāthā Aṭṭhakathā*)

Trong Chú giải Trưởng Lão Tăng Kệ cũng nói tuổi thọ của Phật Giáo là 5.000 năm và chia thành 5 thời kỳ:

1/ Thời kỳ đầu là sự biến mất của các vị giải thoát tức là các vị chứng Thánh viên mãn về trí tuệ. Sau 1.000 năm đầu thì không còn các vị này nữa.

2/ Thời kỳ thứ hai là còn những vị viên mãn về định học, tức là những vị đắc các tầng Thiên. Sau thời kỳ thứ hai thì không còn những vị đắc Định nữa.

3/ Thời kỳ thứ ba là còn những vị viên mãn về giới học. Sau thời kỳ thứ ba không còn các vị về giới học nữa. Nghĩa là Tam học: Giới Định Tuệ sau 3000 năm đầu sẽ không còn nữa.

4/ Thời kỳ 1000 thứ tư: chỉ còn những vị rất giỏi về Kinh điển nhưng không còn viên mãn về Giới Định

Tuệ. Sau thời kỳ thứ tư thì những vị hiểu biết và có thể giải thích được Kinh điển cũng không còn.

5/ Thời kỳ 1.000 năm thứ năm: theo bộ Chú giải Trưởng Lão Tăng Kệ thì trong thời kỳ này không còn chuyên thí chủ phát tâm cúng dường, hộ trì Tam bảo nữa. Lúc này trong Tăng chúng cũng không còn người viên mãn về Giới, về Định, về Tuệ, về Kinh điển và tín tâm hộ trì Tam bảo của Phật tử cũng từ từ biến mất luôn. Sau cùng thì thế gian không còn ai biết đến Phật Pháp nữa.

4. Kinh Mi Tiên Vấn Đáp (*Milindapañhā*) – Câu 96

“...Trẫm chỉ còn một thắc mắc nhỏ chưa hiểu rõ mà thôi, ấy là sự tiêu hoại của Chánh Pháp. Nói cho dễ hiểu là Chánh Pháp bị tiêu hoại được biểu hiện bởi những tiêu hoại gì?”

- Vâng, sự thắc mắc của đại vương rất chính xác. Có ba sự tiêu hoại cả thấy. Ấy là tiêu hoại sở đắc, giác ngộ. Thứ hai là tiêu hoại về hạnh kiểm, giới luật. Thứ ba là tiêu hoại về tăng tướng, phẩm mạo, tâu đại vương.

*- Xin đại đức giảng cho nghe thế nào là **tiêu hoại sở đắc, giác ngộ**?*

- Vâng! Ấy là khi mà tứ chúng không còn kiên tâm trì chí thực hành giáo pháp cho đến nơi đến chốn. Chúng chỉ thực hành cho có lệ, được chút gì hay chút

ấy, vì vậy chúng không còn có khả năng chứng ngộ đạo quả. Điều ấy được gọi là sự tiêu hoại sở đắc, giác ngộ, thừa đại vương!

- Trẫm đã hiểu. Còn thế nào là **tiêu hoại hạnh kiểm, giới luật?**

- Đây là vào thời mà tứ chúng khinh thường những giới điều nhỏ, không thực hành, không tôn trọng những giới cấm lớn. Chúng mất tư cách, thiếu phẩm hạnh, thiếu hạnh kiểm, phá giới luật... như vậy được gọi là sự tiêu hoại giới luật, hạnh kiểm, tâu đại vương!

- Thế còn điều thứ ba: **Sự tiêu hoại tăng tướng, phẩm mạo?**

- Tâu đại vương! Đến một lúc nào đó, Tăng chúng không còn mặc y cà-sa nữa. Chúng viện có phương tiện, viện có đi lại khó khăn, viện có "phá tướng", nên không còn thích mặc y cà-sa vương váu ở trên người, chúng thích mặc áo thế tục. Đến lúc ấy, chiếc y cà-sa màu vàng chỉ còn là một mảnh vải vàng tượng trưng, vắt qua lỗ tai mà thôi. Rồi đến lúc, chút vải vàng ấy cũng không còn nữa, ấy được gọi là tiêu hoại tăng tướng, phẩm mạo, tâu đại vương!"

Trên đây là những giai đoạn phát triển của Phật giáo mà mỗi bộ Chú giải có phân tích hơi khác nhau một chút nhưng căn bản giống nhau ở điểm nào?

Giống nhau ở giai đoạn đầu của 5.000 năm là vẫn còn các vị đắc Thánh (Pháp Thành) sau đó chỉ còn Pháp Hành, không còn ai đắc Thánh nữa, sau đó còn Pháp Học, còn Kinh điển, còn Giới. Và cuối cùng là không còn Tăng tướng, không còn gì cả. Nói chung là thời gian càng về sau thì chúng ta càng xa rời Phật Pháp. Như vậy, đối chiếu với thời kỳ hiện tại của mình thì thời kỳ này vẫn còn tạm tạm. Tuy không còn Đức Thế Tôn nhưng dẫu sao chúng ta vẫn hạnh phúc là còn có Giáo Pháp để mà tu học. Cũng bao nhiêu người đó nhưng “*Lênh đênh trong cõi diêm phù. Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm*”. Vậy vụng tu hay khéo tu là do bản thân mỗi chúng ta.

V. TÓM LƯỢC

Phần đầu bài định nghĩa 3 thời kỳ Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp.

-Thời kỳ Chánh Pháp là thời kỳ có nhiều người tu, nhiều người đắc, người ta rất có tín tâm với Phật - Pháp - Tăng, hết lòng tu tập, họ có thể *bỏ mạng chứ không bỏ Đạo*.

-Thời kỳ Tượng Pháp vẫn có người xuất gia, có học, có hành, có chùa chiền, v.v... nhưng mà cái gốc, cái nội dung thì bắt đầu mất từ từ.

-Thời kỳ Mạt Pháp: “*Mạt*” tức là cành nhánh, là xa rời, là hết cái gốc. Thời này Đức Phật gọi là thời diệu pháp hỗn loạn hay diệu pháp biến mất.

Phần sau của bài trích dẫn một vài bài Kinh nói về Mạt Pháp, và lý do dẫn đến Mạt Pháp. Một trong những lý do chính dẫn đến Mạt Pháp là khi những đệ tử cả xuất gia và tại gia của Đức Phật sống không tôn kính, không tùy thuận nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng, nơi Giới và nơi Thiên Định.

Phần cuối của bài nói về những bộ Chú giải đề cập đến sự biến mất của Giáo Pháp. Những giai đoạn này trong Chánh Tạng không nhắc đến. Trong Chú giải Chánh Giác Tông, Chú giải bộ Pháp Tụ, Chú giải Trường Lão Tăng kệ, Kinh Mi-Tiên Vấn đáp có đề cập đến tuổi thọ của Phật giáo là 5.000 năm chia thành 5 giai đoạn. Theo thời gian, Phật Pháp “mạt” từ từ. Đầu tiên “mạt” các bậc Thánh trước, sau đó “mạt” Pháp Hành rồi “mạt” đến Pháp Học, từ từ “mạt” đến Tăng tướng và cuối cùng là Xá-Lợi biến mất.

Khi giảng bài Mạt Pháp này, thầy rất tâm huyết, và thầy mong mỗi ba điều.

- Thứ nhất, mỗi chúng ta đối chiếu những gì Phật đã nói với những gì đang xảy ra trong hiện tại để xem những gì đã ứng nghiệm, và đặc biệt là xem lại mình có góp phần dẫn đến Mạt Pháp không để mà lo tu sửa mình.

- Thứ hai, chúng ta hãy nghĩ đến những điều kinh khủng sẽ diễn ra trong thời Mạt Pháp mà ráng lo tu để mình đừng tái sinh vào thời kỳ đó, để không cộng nghiệp mà tạo toàn ác nghiệp nặng nề và kéo nhau đi xuống, và nhất là để góp phần gìn giữ Diệu Pháp cho vững bền vì sự an lạc, giải thoát của bản thân và của chúng sanh khác.

- Thứ ba, chúng ta hãy nhớ là trong thời kỳ không có Phật Pháp, chúng sanh có thể sanh về cảnh giới an lành nhờ làm điều thiện, tu tập đắc các tầng Thiên Định, nhưng tỷ lệ được tái sinh làm người và lên cõi chư Thiên là cực kỳ thấp, so với tỷ lệ tái sinh vào bốn cõi xấu. Và dù cố gắng thế nào đi nữa, chúng ta cũng chỉ “*đi tới, đi lui, đi lên, đi xuống*”, nghĩa là còn quanh quẩn trong vòng luân hồi. Chỉ khi có Phật ra đời, Ngài tìm ra “*con đường cổ xưa*” và dạy lại “*con đường*” Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ, Giới Định Tuệ, Thất Giác Chi... đó, chúng ta mới có thể theo chân Ngài mà *đi ra* khỏi rừng mê biên khổ, khỏi sanh tử luân hồi. Những gì cần dạy, Phật đã dạy rồi, còn lại là *mình lựa chọn có quyết tâm tinh tấn tu tập để đi ra hay không*. Được sanh làm người là khó, được gặp Phật Pháp lại càng khó hơn. Thầy mong mỗi chúng ta tranh thủ thời gian, trân quý những tháng ngày còn lại của đời mình mà lo tu tập giải thoát vì kiếp người vốn rất mong manh.

